TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 04-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thắng

Bà Phùng Ngọc Anh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn T, tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn P và bà Vũ Thị T; có vợ là Nguyễn Thị L và có 03 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị H, nơi ĐKTT: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã chết).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

1. Ông Nguyễn Quang H; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (là bố đẻ của chị H); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ của chị H); vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Cháu Nguyễn Huy H; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (là con đẻ của chị H); vắng mặt;

2. Cháu Nguyễn Xuân H; nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (là con đẻ của chị H); vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Phạm Thị D; nơi cư trú: Thôn X, xã N, huyện K, thành phố Hải Phòng (là bà ngoại và là người giám hộ của cháu H và cháu H1), vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Nguyễn Thị T, chị Bùi Thị Hồng N và chị Nguyễn Thị L; chị T và chị N vắng mặt, chị L có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ, ngày 20-10-2022, bị cáo Phạm Văn T điều khiển xe ô tô, biển kiểm soát 15D-031.67 chở theo vợ là chị Nguyễn Thị L đi theo hướng từ huyện Tiên Lãng đến quận Kiến An để giao hàng. Khi đi trên tỉnh lộ 354, đoạn trước cổng Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão cơ sở 2, thuộc địa phận thôn M, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, bị cáo phát hiện phía trước xe khoảng 100m có người đi bộ sang đường để lên xe đưa đón công nhân đỗ gần cổng bệnh viện. Khi xe do bị cáo điều khiển cách xe ô tô đưa đón công nhân khoảng 05m, bị cáo không tuân thủ quy định về tốc độ, không chấp hành báo hiệu đường bộ nên đã đâm vào chị Nguyễn Thị H đang đi bộ sang đường tại vị trí cách vạch kẻ đường dành cho người đi bộ khoảng 04m, làm chị H bị thương. Vợ chồng bị cáo đưa chị H đi cấp cứu, đến 19 giờ 05 phút cùng ngày thì chị H chết. Sau đó, bị cáo đến Công an huyện An Lão đầu thú, giao nộp chiếc xe ô tô nêu trên.

Kết quả đo nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo sau khi xảy ra tai nạn là 0.000mg/l. Bản giám định pháp y về tử thi số 256/2022/TT ngày 25-11-2022 của Trung tâm Pháp y Hải Phòng kết luận: Chị H bị tai nạn giao thông chết vì suy hô hấp, suy tuần hoàn cấp không hồi phục do đa chấn thương; chấn thương ngực và chấn thương bụng nặng.

Kết quả khám nghiệm hiện trường và dựng lại hiện trường: Đoạn đường xảy ra tai nạn thuộc khu vực đông dân cư, lòng đường rộng 11,3m trải nhựa bằng phẳng; sát hai mép đường là cống thoát nước rộng 0,84m; lề đường hai bên rộng 1,5m. Lấy chiều từ cầu Khuể đi cầu Nguyệt và mép đường bên phải làm chuẩn, xác định: Xe ô tô, biển kiểm soát 15D-031.67 đỗ dưới lòng đường bên phải, đuôi xe quay hướng đi cầu Khuể; trục trước bên phải xe cách mép lề phải 4,4m, cách chân cột biển báo người đi bộ sang đường 5,6m, cách đầu vạch sơn kẻ đường dành cho người đi bộ 04m; trục sau bên phải xe cách mép lề phải 4,4m, cách chân cột biển báo nơi đỗ xe có nội dung "*Nơi đỗ xe đón công nhân của công ty TNHH LG ELECTRONICS Việt Nam thời gian đỗ xe từ 06:30-07:30*" 25,7m, cách chân cột biển báo bắt đầu khu đông dân cư 03km.

Kết quả khám nghiệm xe ô tô, biển kiểm soát 15D-031.67: Thanh kim loại ốp phần đầu xe bên trái có vết lõm, kích thước (20 x 17)cm, chiều hướng về sau; mặt ngoài ốp nhựa đèn pha bên phải có vết nứt dài 05cm, chiều từ trái sang phải và 01 vết nứt dài 05cm, chiều từ sau về trước; mặt ngoài đèn pha bên phải có vết mài xước dài 3,5cm, chiều từ trái sang phải; mặt ngoài cụm đèn xi nhan phía trước, bên phải bị nứt vỡ, kích thước (05 x 04)cm.

Bản giám định số 79/KL-KTHS (KTS) ngày 28-02-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng (giám định về hình ảnh liên quan đến vụ tai nạn được lưu trong 01 USB nhãn hiệu SanDisk 16GB đã qua sử dụng) kết luận: 01 tập tin video có phần mở rộng MP4 dung lượng 5,04MB không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 giấy phép lái xe số 990129991144 mang tên Phạm Văn T; quá trình điều tra đã trả lại cho bị cáo 01 xe ô tô biển kiểm soát 15D-031.67, 01 giấy chứng nhận kiểm số DA2630086, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự số GCNBH: 22BB00339655; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 15000418 và 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Văn T cho bị cáo.

Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 300.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm hoặc thực hiện trách nhiệm dân sự khác, xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát; nhận thức được việc không tuân thủ Luật Giao thông đường bộ nên đã vô ý gây ra tai nạn giao thông làm chị H bị chết; thừa nhận việc bị truy tố, xét xử là không oan sai và không bị ép buộc phải khai không đúng sự thật.

Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 03-4-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão truy tố bị cáo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, theo điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát luận tội:

Về tội danh và hình phạt: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, người làm chứng tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo không chấp hành báo hiệu đường bộ, không tuân thủ tốc độ khi tham gia giao thông, để xảy ra tai nạn làm chết người, vi phạm khoản 4 Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ, các khoản 5, 6 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ Giao thông vận tải. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Sau khi gây tai nạn, bị cáo đã đầu thú. Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị hại có lỗi một phần khi không đi tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, vi phạm khoản 2 Điều 32 của Luật

Giao thông đường bộ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại 300.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nên không giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 990129991144 mang tên Phạm Văn T.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không yêu cầu bồi thường thiệt hại, không gây trở ngại cho việc xét xử; 02 người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của bị cáo Phạm Văn T phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm phương tiện, biên bản khám nghiệm tử thi và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Khoảng 05 giờ, ngày 20-10-2022, bị cáo T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 15D-031.67 đi theo hướng từ huyện Tiên Lãng đến quận Kiến An. Khi đi trên tỉnh lộ 354, đoạn trước cổng Bệnh viện Đa khoa huyện An Lão cơ sở 2, thuộc địa phận thôn M, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng, bị cáo không tuân thủ quy định về tốc độ, không chấp hành báo hiệu đường bộ nên đã đâm vào chị Nguyễn Thị H đang đi bộ sang đường tại vị trí cách vạch kẻ đường dành cho người đi bộ khoảng

04m, làm chị H chết. Bị cáo có bằng lái xe ô tô theo quy định của pháp luật, điều khiển xe trong tình trạng tỉnh táo và trước đó không sử dụng chất kích thích. Tại thời điểm xảy ra tai nạn, đoạn đường không có chướng ngại vật che khuất tầm nhìn của bị cáo. Bị cáo quan sát được biển báo khu vực đông dân cư, quan sát được người tham gia giao thông phía trước và đã phát hiện chị H đi bộ sang đường nhưng không giảm tốc độ để có thể dừng lại một cách an toàn, vi phạm khoản 4 Điều 11 của Luật Giao thông đường bộ, các khoản 5, 6 Điều 5 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT ngày 29-8-2019 của Bộ Giao thông vận tải. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình có thể gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông nhưng cho rằng hậu quả sẽ không xảy ra hoặc có thể ngăn ngừa được nên lỗi của bị cáo là lỗi vô ý.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận hành vi của bị cáo Thoan đã đủ yếu tố cấu thành tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự. Tội danh và khung hình phạt mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng truy tố đối với bị cáo là có cơ sở và đúng pháp luật.

[5] *Về lỗi của bị hại:* Chị H sang đường nhưng không đi tại nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ và thiếu sự quan sát các xe đang đi tới trước khi qua đường, vi phạm Điều 32 của Luật giao thông đường bộ. Vì vậy, vụ tai nạn có lỗi một phần của bị hại.

[6] Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm an toàn, trật tự công cộng, gây thiệt hại về tính mạng của người khác, để lại hậu quả rất nghiêm trọng cho gia đình bị hại. Do vậy, cần xử lý nghiêm để giáo dục ý thức chấp hành Luật Giao thông đường bộ đối với bị cáo, qua đó tuyên truyền, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của những người tham gia giao thông nói chung.

[7] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi gây tai nạn giao thông, bị cáo đã đầu thú và tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] *Về nhân thân:* Bị cáo không có tiền án và tiền sự nên có nhân thân tốt.

[10] *Về hình phạt chính:* Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bị hại có lỗi một phần; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chỉ cần xử phạt bị cáo hình phạt tù trên mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-

5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo cũng đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với bị cáo.

[11] *Về hình phạt bổ sung:* Xét việc lái xe để buôn bán là nghề tạo thu nhập chính cho gia đình bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là cấm hành nghề đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

[12] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 300.000.000 đồng. Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm hoặc thực hiện trách nhiệm dân sự khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[13] *Về xử lý vật chứng:* Cần trả lại cho bị cáo 01 giấy phép lái xe số 990129991144 mang tên Phạm Văn T theo điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[14] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[15] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà nên có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Phạm Văn T 21 (*Hai mươi mốt*) tháng tù cho hưởng án treo về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, thời gian thử thách là 42 (*Bốn mươi hai*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 28 tháng 4 năm 2023.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều

trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 (*Một*) giấy phép lái xe số 990129991144 mang tên Phạm Văn T, được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07 tháng 4 năm 2023, giữa Công an huyện An Lão với Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện An Lão;
- Cơ quan THAHS Công an huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Thi hành án hình sự;
- UBND xã Nam Hưng, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trọng Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thắng **Phùng Ngọc Anh** **Vũ Trọng Đạt**